

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 3 - 2021
*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Giang;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đới Văn Trinh
2. Ông Phạm Phúc Ân

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 350/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/01/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1977;

Nơi đăng ký hộ khẩu: Thôn Đ, xã H, thành phố C, tỉnh Hải Dương;

Nơi ở hiện nay: Thôn T, xã L, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Đường Quang T, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

* Người làm chứng: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Thôn A, xã L, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Chị H, anh T, chị Hạnh đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/11/2020, bản tự khai và ý kiến tại các buổi làm việc với Tòa án, chị Hoàng Thị H trình bày:

Chị và anh T đăng ký kết hôn ngày 15/10/1997 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C (nay là thành phố C) trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống tại nhà

bố mẹ đẻ anh T ở thôn Đ, xã H. Đến năm 2006, vợ chồng chuyển về ở nhờ trên đất nhà bố mẹ đẻ chị H ở thôn T, xã L, thành phố C. Năm 2015, anh T chuyển về thôn Đ, xã H ở để chăn nuôi. Sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T mải chơi, không chịu tu chí làm ăn. Đến đầu năm 2016, chị vào ở cùng anh T, nhưng anh T vẫn không chịu thay đổi. Dẫn tới vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Cuối năm 2016, do không hợp nhau nên chị đã chuyển về nhà đất tại thôn T, xã L ở. Anh T và gia đình có động viên chị quay về đoàn tụ với anh T nhưng chị thấy anh T không chịu thay đổi, vợ chồng cũng không còn tình cảm nên chị không đồng ý quay về. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Chị xác định vợ chồng không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là: Đường Thị U, sinh ngày 18/7/1998; Đường Thị C, sinh ngày 12/5/2002; Đường Quốc V, sinh ngày 24/12/2009. Cháu U và cháu C đã trưởng thành, khỏe mạnh bình thường. Do vậy, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Đường Quốc V hiện tại đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu ly hôn đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con với chị. Về quan hệ tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh Đường Quang T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến tòa án. Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh đã phối hợp với địa phương đến làm việc với anh T nhiều lần. Quá trình làm việc, anh T xác định anh và chị H có một số bất đồng nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Anh đã nhiều lần động viên chị H quay về đoàn tụ nhưng chị H không đồng ý quay về. Nay chị H xin ly hôn anh không đồng ý. Về con chung: Anh T xác định cháu U và cháu C đã trưởng thành, khỏe mạnh bình thường, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đường Quốc V và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con với anh vì cháu do anh nuôi dưỡng từ nhỏ đến nay. Anh T thừa nhận đã nhận các văn bản tố tụng do Tòa án giao nhưng không đồng ý ký biên bản và đến tòa vì không muốn ly hôn chị H.

- Quá trình làm việc với Tòa án, cháu Đường Quốc V trình bày có nguyện vọng xin được ở với cả bố và mẹ.

- Tại các biên bản xác minh ngày 06/01/2021, Ủy ban nhân dân xã H xác định: Năm 2016, chị H và anh T có mâu thuẫn, sau đó, chị H chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở thôn T, xã L ở, còn anh T vẫn ở thôn Đ, xã H. Nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể giữa chị H và anh T địa phương không nắm được, chỉ biết là chị H mấy năm nay không chung sống với anh T. Nay chị H xin ly hôn, quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo định pháp luật. Về con chung: Địa phương xác định cháu Văn hiện

đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, được anh T chăm sóc, nuôi dưỡng tốt và cho đi học đầy đủ. Cháu khỏe mạnh, ngoan ngoãn. Anh T làm nông nghiệp, chăn nuôi. Kinh tế khá, đủ khả năng để chăm sóc tốt cho cháu Văn.

- Chị Hoàng Thị H là em gái chị H xác định: Năm 2016, vợ chồng chị H, anh T phát sinh mâu thuẫn. Chị H bỏ về nhà bố mẹ chị tại thôn T, xã L ở cùng với hai con lớn. Ngày 20/12/2016 âm lịch, chị lên nhà mới, vợ chồng chị có mời cả chị H và anh T đến dự, mục đích để tạo điều kiện cho vợ chồng về với nhau. Nhưng hôm đó giữa chị H và anh T có xảy ra cãi vã, xô xát. Sau đó, chị H và anh T tiếp tục sống ly thân và không quan tâm đến nhau. Nay chị H xin ly hôn anh T. Quan điểm của chị là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa:

Chị H vắng mặt có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt, trình bày giữ nguyên quan điểm như nội dung nêu trên; Anh T được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Bị đơn không chấp hành việc triệu tập của Tòa án. Về đường lối giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị H được ly hôn anh Đường Quang T. Về con chung: Xử giao con chung Đường Quốc V, sinh ngày 24/12/2009 cho anh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh T tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh T. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này. Đối với con chung Đường Thị U, sinh ngày 18/7/1998; Đường Thị C, sinh ngày 12/5/2002 đã trưởng thành, khỏe mạnh bình thường. Chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết. Về quan hệ tài sản chung: Không đặt ra việc xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét

xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn, giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa. Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Anh T đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt chị H, anh T.

[2] Chị H và anh T kết hôn với nhau ngày 15/10/1997 trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo các điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H. Do vậy, hôn nhân của chị H, anh T là hợp pháp. Sau khi kết hôn một thời gian, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế, dẫn đến cãi vã, xúc phạm nhau. Từ năm 2016 đến nay vợ chồng đã sống ly thân và không quan tâm đến nhau. Mặc dù, anh T có quan điểm không muốn ly hôn, nhưng không có biện pháp và hành động cụ thể để vợ chồng về đoàn tụ; Tòa án triệu tập anh T đến tham gia phiên hòa giải và phiên tòa nhưng anh T không đến, thể hiện sự thờ ơ, bỏ mặc tình trạng mâu thuẫn vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy rằng việc chị H, anh T không sống chung; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị H xin ly hôn anh T.

[3] Về con chung: Chị H, anh T có 03 con chung. Con chung Đường Thị U, sinh ngày 18/7/1998; Đường Thị C, sinh ngày 12/5/2002 đều đã trưởng thành, khỏe mạnh bình thường và tự lo được cuộc sống bản thân. Chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung đối với hai con U và C nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Đối với con chung Đường Quốc V, sinh ngày 24/12/2009, hiện tại đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Cả anh T và chị H đều có quan điểm muốn được tiếp tục nuôi con. Tuy nhiên, xét điều kiện, hoàn cảnh: Cháu V đang ở với anh T, được anh T trực tiếp nuôi dưỡng khỏe mạnh, ngoan ngoãn, học hành đầy đủ; Anh T cũng có đủ điều kiện về kinh tế để chăm sóc tốt cho cháu V. Do vậy, cần căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, tiếp tục giao con chung Đường Quốc V cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng mới đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu V. Anh T không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh, đây là ý kiến tự nguyện của anh T nên được chấp nhận. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về quan hệ tài sản: Chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị H được ly hôn anh Đường Quang T.

2. Về con chung: Xử giao con chung Đường Quốc V, sinh ngày 24/12/2009 cho anh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh T. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

Đối với con chung Đường Thị U, sinh ngày 18/7/1998; Đường Thị C, sinh ngày 12/5/2002 đã trưởng thành, khỏe mạnh bình thường nên không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà chị H đã nộp theo biên lai thu số: AA/2017/0006696 ngày 06/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND xã H (Để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Kim Giang